

Bản án số: 53/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2018

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **VÕ VĂN CUỜNG**

2. Ông **THÂN VĂN KỲ**

-Thư ký phiên tòa: Bà **LÊ THỊ KIM NGỌC** – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 928/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **NGÔ ĐẶNG KINH L**, sinh năm 1971 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **VÕ THỊ THANH H**, sinh năm 1969 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 11/12/2017 và lời khai tại Toà, nguyên đơn anh Ngô Đăng Kinh L trình bày:

Do quen biết nên anh và chị H kết hôn vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do anh chị có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi, cuộc sống vợ chồng không thể hoà hợp. Vào năm 2016, anh có nộp đơn ly hôn với chị H và sau khi xét xử Toà án nhân dân huyện C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh. Sau đó, anh kháng cáo và Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định giữ nguyên án sơ thẩm để anh chị có điều kiện hàn gắn, sắp xếp lại gia đình. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào sum họp được và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ tháng 10/2015 đến nay. Nay anh vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn chị H.

Con chung: Có hai cháu tên Ngô Võ Gia B, sinh ngày 27/9/2007; Ngô Võ Gia L, sinh ngày 12/3/2013, hiện đang sống với chị H. Nay anh đồng ý để hai cháu cho

chị H nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng/02 cháu đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi.

Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo tờ tự khai ngày 15/01/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị Thanh H trình bày:

Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, chị cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn gì lớn chỉ do chị không thể hoà hợp với mẹ chồng trong cuộc sống gia đình. Nay chị không đồng ý ly hôn. Nếu giả sử Toà án căn cứ vào quy định pháp luật cho anh chị ly hôn thì chị đồng ý nuôi hai con chung, thống nhất việc anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000đ/tháng/02 cháu đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung đều không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Chị Võ Thị Thanh H có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Tại phiên tòa, anh L trình bày do quen biết nên anh và chị H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Sau khi cưới, anh chị chỉ sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân luôn từ tháng 10/2015 đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng thường tranh cãi gây mất tình cảm và trong đời sống chị H và mẹ chồng không hoà hợp được làm cuộc sống gia đình căng thẳng. Nay anh cương quyết yêu cầu được ly hôn chị H. Xét thấy, cho anh L được ly hôn chị H là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi ly thân tới nay anh chị cũng không có phương án nào để hàn gắn xây dựng tổ ấm. Đồng thời, vào thời điểm năm 2016 anh L có nộp đơn ly hôn với chị H và sau khi xét xử Toà án nhân dân huyện C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh. Sau đó, anh kháng cáo và Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định giữ nguyên án sơ thẩm để anh chị có điều kiện hàn gắn, sắp xếp mâu thuẫn gia đình. Tuy nhiên, vợ chồng vẫn không thể nào sum họp, dung hoà được cuộc sống chung. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Có hai cháu tên Ngô Võ Gia B, sinh ngày 27/9/2007; Ngô Võ Gia L, sinh ngày 12/3/2013, hiện đang sống với chị H. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho chị H nuôi là có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, trước giờ hai cháu đã sống ổn định với chị H từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân cháu B cũng có mong muốn được sống với mẹ. Đồng thời, anh L cũng đồng ý để cháu B và cháu L cho chị H tiếp tục nuôi. Thêm vào đó, căn cứ vào văn bản ý kiến xác nhận của đại diện địa

phương do đương sự cung cấp cho rằng chị H có điều kiện nuôi hai con. Từ đó, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý, đời sống học tập, sinh hoạt của các cháu nên tiếp tục giữ nguyên hiện trạng nuôi con chung là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02 cháu đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi và căn cứ vào lời trình bày của chị H có trong hồ sơ vụ án thì chị cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà anh L đưa ra như trên. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của đương sự và phù hợp với quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được ghi nhận.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Căn cứ vào lời trình bày của anh L tại Tòa, cũng như lời khai của chị H có trong hồ sơ vụ án thì anh chị đều khẳng định không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Anh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Ngô Đăng Kinh L. Cho anh Ngô Đăng Kinh L được ly hôn chị Võ Thị Thanh H.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu tên Ngô Võ Gia B, sinh ngày 27/9/2007; Ngô Võ Gia L, sinh ngày 12/3/2013 cho chị H nuôi.

Ghi nhận việc anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 3.000.000đ/tháng/02 cháu. Thời gian thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị Võ Thị Thanh H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Ngô Đăng Kinh L chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên Toà án không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai số 07948 ngày 11/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên anh còn phải nộp tiếp 300.000đ.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thời hạn nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM